

Giải vở bài tập Toán lớp 5 tập 1 trang 51 - Bài 1

Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu)

a) $6\text{m } 7\text{dm} = 6,7\text{m}$

$4\text{dm } 5\text{cm} = \dots\text{dm}$

$7\text{m } 3\text{cm} = \dots\text{m } 8\text{m}$

b) $12\text{m } 23\text{cm} = \dots\text{m}$

$9\text{m } 192\text{mm} = \dots\text{m}$

$57\text{mm} = \dots\text{m}$

Phương pháp giải

Xác định mối liên hệ giữa các đơn vị đo độ dài để viết các số đo dưới dạng hỗn số thích hợp, sau đó viết dưới dạng số thập phân.

Đáp án

Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu)

a) $6\text{m } 7\text{dm} = 6,7\text{m}$

$4\text{dm } 5\text{cm} = 4,5\text{dm}$

$7\text{m } 3\text{cm} = 7,03\text{m}$

b) $12\text{m } 23\text{cm} = 12,23\text{m}$

$9\text{m } 192\text{mm} = 9,192\text{m}$

$8\text{m } 57\text{mm} = 8,057\text{m}$

Giải vở bài tập Toán lớp 5 tập 1 trang 51 - Bài 2

Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm

a) $4\text{m } 13\text{cm} = \dots\dots\dots\text{m}$

$6\text{dm } 5\text{cm} = \dots\dots\dots\text{dm}$

$6\text{dm } 12\text{mm} = \dots\dots\dots\text{dm}$

b) $3\text{dm} = \dots\dots\dots\text{m}$

$3\text{cm} = \dots\dots\dots\text{dm}$

$15\text{cm} = \dots\dots\dots\text{m}$

Phương pháp giải

Xác định mối liên hệ giữa các đơn vị đo độ dài để viết các số đo dưới dạng hỗn số thích hợp, sau đó viết dưới dạng số thập phân.

Đáp án

Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm

a) $4\text{m } 13\text{cm} = 4,13\text{m}$

$6\text{dm } 5\text{cm} = 6,5\text{dm}$

$6\text{dm } 12\text{mm} = 6,12\text{dm}$

b) $3\text{dm} = 0,3\text{m}$

$3\text{cm} = 0,3\text{dm}$

$15\text{cm} = 0,15\text{m}$

Giải vở bài tập Toán lớp 5 tập 1 trang 51 - Bài 3

Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm

a) $8\text{km } 832\text{m} = \dots\dots\dots\text{km}$

$7\text{km } 37\text{m} = \dots\dots\dots\text{km}$

$6\text{km } 4\text{m} = \dots\dots\dots\text{km}$

b) $753\text{m} = \dots\dots\dots\text{km}$

$42\text{m} = \dots\dots\dots\text{km}$

$3\text{m} = \dots\dots\dots\text{km}$

Phương pháp giải:

Dựa vào mối liên hệ giữa đơn vị mét và ki-lô-mét: $1\text{km}=1000\text{m}$, hay $1\text{m} = 1/1000$ km để viết các số đo dưới dạng hỗn số thích hợp, sau đó viết dưới dạng số thập phân.

Đáp án

Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm

a) $8\text{km } 832\text{m} = 8,832 \text{ km}$

$7\text{km } 37\text{m} = 7,037\text{km}$

$6\text{km } 4\text{m} = 6,004\text{km}$

b) $753\text{m} = 0,753\text{km}$

$42\text{m} = 0,042 \text{ km}$

$3\text{m} = 0,03\text{km}$